

Số: 472/2022/QĐST- HNGĐ

Đông Anh, ngày 19 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 430/2022/TLST - HNGĐ ngày 7 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc H, sinh ngày 03/9/1983, căn cước công dân số 001083030xxx do Cục cảnh sát cấp ngày 12/6/2018.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TB, xã VN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Lê Thị K, sinh ngày 01/7/1984, căn cước công dân số 001184048xxx do Cục cảnh sát cấp ngày 10/7/2021.

Hộ khẩu thường trú: Thôn TB, xã VN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội;
nơi ở: Thôn TM, xã NH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Ngọc H và chị Lê Thị K.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh chị có hai con chung là: Trần Ngọc H1, sinh ngày 16/6/2003 và Trần Ngọc H2, sinh ngày 20/12/2006. Ly hôn, cháu H1 đã thành niên và anh chị không yêu cầu Tòa án giao nuôi, cấp dưỡng đối với cháu H1; Đối với cháu H2, chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

- **Về án phí sơ thẩm:** Án phí ly hôn sơ thẩm: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) mỗi bên chịu 1/2, hai bên thoả thuận để anh H chịu cả nhưng được trừ vào 300.000 đồng anh đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0046704 ngày 07/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Anh H được hoàn trả số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án Hà Nội;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã VN, huyện ĐA, Hà Nội (GCN kết hôn quyền số xx/2022 ngày 03/7/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Thu Thanh